

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NA RÌ
TỈNH BẮC KẠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2023/HS-ST

Ngày 22/8/2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NA RÌ - TỈNH BẮC KẠN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Thanh Bình

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đàm Văn Nhạ

Ông Nguyễn Mạnh Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Hoàn, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa: Bà Vương Thị Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 19/2023/TLST-HS, ngày 09 tháng 6 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2023/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 8 năm 2023 đối với bị cáo:

Đặng Văn N, sinh ngày 29/12/1983 tại: Xã Đ, huyện N, tỉnh Bắc Kạn; nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Thôn N, xã Đ, huyện N, tỉnh Bắc Kạn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng Văn D và bà Bàn Thị P; có vợ là Hoàng Thị H và 01 con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại, (có mặt).

- Nguyên đơn dân sự: Ủy ban nhân dân huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Ngọc C – Chủ tịch UBND huyện (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Hoàng Thị Thu N - Trưởng phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện N, tỉnh Bắc Kạn (theo Công văn số 762/UBND-VP, ngày 23/3/2023 của Chủ tịch UBND huyện N, tỉnh Bắc Kạn về việc cử người đại diện tham gia tố tụng), (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Hoàng Văn H, sinh năm 1983; trú tại: xóm S, xã P, huyện V, tỉnh Thái Nguyên, (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đồng thời là người làm chứng:

+ Anh Bàn Phụ L, sinh năm 1980, trú tại: thôn C, xã Đ, huyện N, tỉnh Bắc Kạn (vắng mặt);

+ Anh Bàn Tồn D, sinh năm 2001; trú tại: thôn C, xã Đ, huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Chỗ ở hiện nay: Tiểu đoàn ..., Trung đoàn ..., Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Lạng Sơn, thôn N, xã C, huyện Ch, tỉnh Lạng Sơn (vắng mặt);
+ Chị Hoàng Mùi D, sinh năm 1993 (vắng mặt);
+ Bà Đặng Mùi Kh, sinh năm 1966 (vắng mặt);
+ Ông Hoàng Thông K, sinh năm 1967 (vắng mặt);
+ Anh Đặng Tồn S, sinh năm 2004 (vắng mặt);
Đều trú tại: thôn N, xã Đ, huyện N, tỉnh Bắc Kạn.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 6 năm 2022 Đặng Văn N và anh Hoàng Văn H (là anh trai vợ của Đặng Văn N) chung nhau mua thửa đất số 16, tờ bản đồ số 3, địa chỉ tại thôn K, xã Đ, huyện N, tỉnh Bắc Kạn có diện tích 60.308,3m² với số tiền 180.000.000,đ (một trăm tám mươi triệu đồng), mỗi người góp số tiền 90.000.000,đ để sử dụng chung và thỏa thuận thống nhất để Hoàng Văn H đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Bắc Kạn cấp ngày 27/10/2022, Số DG 283290; mục đích sử dụng: Đất rừng sản xuất). Sau khi mua được thửa đất trên, hai người bàn bạc sẽ xin phép và thuê người phát rừng để trồng cây Keo phát triển kinh tế, việc xin thủ tục, thuê người phát rừng, trồng rừng do Đặng Văn N thực hiện, Hoàng Văn H có trách nhiệm góp tiền, khi được thu hoạch sẽ cùng nhau hưởng lợi. Nhưng sau đó do ở xa, đi lại khó khăn, không có thời gian quản lý, chăm sóc rừng và tính toán hiệu quả kinh tế không cao nên ngày 08/12/2022, anh Hoàng Văn H đã chuyển nhượng phần quyền sử dụng thửa đất rừng trên của mình cho bị cáo N được toàn bộ quyền sử dụng và N đã trả cho anh H số tiền 90.000.000,đ. Anh H đã bàn giao cho N giữ bản gốc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của thửa đất trên để N hoàn tất các thủ tục chuyển nhượng theo quy định. Việc chuyển nhượng thửa đất trên có viết giấy và xác nhận của Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Sau khi có toàn quyền sử dụng thửa đất số 16, tờ bản đồ số 3 tại thôn Khuổi Nà, xã Đồng Xá, huyện Na Rì, Đặng Văn N đã thuê anh Bàn Phụ L phát rừng, mục đích để lấy đất trồng cây Keo, đồng thời thỏa thuận trả công cho anh L với số tiền 5.000.000,đ (năm triệu đồng)/ha. Ngày 18/12/2022 Đặng Văn N dẫn anh L đến khu vực thửa đất số 16 nói trên để chỉ khu vực thuê phát rừng và yêu cầu anh L chỉ phát cây Vầu, cây bụi rậm, không chặt hạ các cây gỗ tự nhiên, vì bị cáo suy nghĩ rằng không chặt hạ cây gỗ rừng tự nhiên mà chỉ phát các cây vầu, cây bụi rậm thì không bị cấm. Bị cáo cũng không nói cho anh L biết việc phát rừng chưa được cơ quan có thẩm quyền cho phép. Sau đó, ngày 20/12/2022, anh Bàn Phụ L rủ thêm con trai là anh Bàn Tồn D và một số người khác gồm chị Hoàng Mùi D, anh Hoàng Thông K, chị Đặng Mùi Kh, anh Đặng Tồn S, đi phát rừng thuê. Đến ngày 25/12/2022 thì những người trên đã phát xong khu vực rừng Đặng Văn N thuê phát. Anh L gọi N lên kiểm tra, sau khi kiểm tra xác định diện tích đã phát được khoảng hơn 02ha nên N đã trả cho anh L số tiền công là 12.000.000,đ (mười hai triệu đồng), anh L nhận tiền và thanh toán lại cho những người tham gia phát thuê theo số ngày công thực tế họ tham gia phát rừng thuê.

Đến ngày 27/12/2022 Trạm kiểm lâm Quang Phong phối hợp với UBND xã Đồng Xá tiến hành kiểm tra, phát hiện sự việc nên đã lập biên bản, báo cáo Hạt Kiểm lâm huyện Na Rì và chuyển hồ sơ đến Cơ quan CSĐT Công an huyện Na Rì để giải quyết theo thẩm quyền.

Ngày 17/01/2023 Cơ quan CSĐT Công an huyện Na Rì phối hợp với các cơ quan chức năng tiến hành khám nghiệm hiện trường khu rừng bị phát phá tại thửa đất số 16, lô 6, khoảnh 6, tiểu khu 235 (theo Bản đồ quy hoạch 3 loại rừng xã Đồng Xá năm 2018) thuộc thôn Khuổi Nà, xã Đồng Xá, huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn. Kết quả xác định diện tích rừng bị phát phá là 22.680m², lâm sản bị thiệt hại là 7.180 cây Vầu có đường kính gốc trung bình từ 3cm đến 5 cm, các cây gỗ rừng tự nhiên không bị chặt hạ. Sau khi khám nghiệm xong đã giao số vật chứng là cây vầu cho Ủy ban nhân dân xã Đồng Xá phối hợp với Hạt kiểm lâm huyện Na Rì quản lý, bảo quản theo quy định.

Ngày 27/02/2023, Cơ quan CSĐT Công an huyện Na Rì đã yêu cầu định giá tài sản đối với 7.180 cây Vầu có đường kính gốc trung bình từ 3cm đến 5 cm. Tại Kết luận định giá tài sản số 05/KL-HĐĐGTS ngày 28/3/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện Na Rì kết luận: 7.180 cây Vầu bị thiệt hại có giá trị là 24.412.000,đ (hai mươi tư triệu bốn trăm mười hai nghìn đồng).

Vật chứng của vụ án gồm:

+ 02 con dao dạng dao liềm, phần lưỡi dao và chuôi dao bằng kim loại dài 25cm, lưỡi dao chỗ rộng nhất là 04cm, có phần tra cán gỗ màu vàng dài 24cm. Toàn bộ con dao dài 49cm;

+ 01 con dao dạng dao liềm, phần lưỡi dao và chuôi dao bằng kim loại dài 49cm.

Đây là các con dao mà Đặng Mùi Kh, Hoàng Thông K và Đặng Tồn S sử dụng làm công cụ để phát phá rừng. Những vật chứng trên hiện được quản lý theo quy định.

+ Đối với 7.180 cây Vầu hiện để tại hiện trường đã bàn giao cho UBND xã Đồng Xá và Hạt Kiểm lâm huyện Na Rì phối hợp quản lý, bảo quản theo quy định.

Về trách nhiệm dân sự: Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn dân sự yêu cầu bị cáo phải bồi thường thiệt hại theo kết luận định giá.

Tại bản cáo trạng số: 19/CT-VKS-NR ngày 07/6/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn đã truy tố bị cáo Đặng Văn N về tội “Hủy hoại rừng” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 243 Bộ luật hình sự. Điều luật có nội dung:

“1. Người nào đốt, phá rừng trái phép hoặc có hành vi khác hủy hoại rừng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 50.000.000đ đến 500.000.000đ, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm, hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 07 năm:

.....;

đ) Rừng sản xuất có diện tích từ 10.000 mét vuông (m²) đến dưới 50.000 mét vuông (m²).”

Tại phiên toà:

Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo theo cáo trạng. Đề nghị HĐXX tuyên bố bị cáo Đặng Văn N phạm tội “Hủy hoại rừng”. Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 243; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 36 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo từ 30 đến 36 tháng cải tạo không giam giữ; Không khấu trừ thu nhập hàng tháng của bị cáo; Không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo; Về phân trách nhiệm dân sự, đề nghị HĐXX ghi nhận sự thỏa thuận giữa đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn dân sự và bị cáo; Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu huỷ 03 con dao dạng dao liềm; tịch thu hóa giá sung công quỹ Nhà nước 7.180 cây Vầu hiện đang để tại hiện trường. Tạm giữ số tiền 4.000.000,đ bị cáo đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Na Rì để đảm bảo thi hành án cho bị cáo. Bị cáo phải chịu tiền án phí sơ thẩm theo quy định.

Tại phiên toà Đặng Văn N đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận tội của bị cáo tại Tòa phù hợp với các lời khai trong quá trình điều tra, các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Mục đích bị cáo thuê người phát rừng là để lấy đất trồng cây Keo phát triển kinh tế gia đình. Bị cáo do nhận thức pháp luật hạn chế, suy nghĩ diện tích rừng thuê phát là rừng nghèo, chỉ có cây bụi và cây vầu, số cây gỗ tự nhiên rất ít và khi thuê người phát rừng bị cáo cũng chỉ yêu cầu phát cây vầu, cây bụi rậm vì nghĩ không chặt hạ cây gỗ rừng tự nhiên thì không bị cấm. Bị cáo rất ăn năn, hối hận về hành vi phạm tội của mình, xin Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất và xin được cải tạo tại địa phương.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Hoàng Văn H có ý kiến: Vào tháng 6 năm 2022, anh H cùng bị cáo Đặng Văn N chung nhau mua thửa đất số 16, tờ bản đồ số 3 thuộc thôn Khuổi Nà, xã Đồng Xá, huyện Na Rì để sử dụng chung, tuy nhiên do ở xa, đi lại khó khăn, không có điều kiện quản lý, chăm sóc rừng nên ngày 08/12/2022, anh H đã chuyển nhượng lại phần quyền sử dụng thửa đất trên của mình cho Đặng Văn N, để Đặng Văn N có toàn quyền sử dụng. Sau khi viết giấy chuyển nhượng có xác nhận của UBND xã Đ, anh H đã giao bản gốc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa rừng nói trên cho bị cáo N giữ để tiến hành các thủ tục chuyển nhượng theo quy định của pháp luật. Việc Đặng Văn N thuê người phát rừng để trồng cây Keo bị cáo N không nói với anh H nên anh H không biết, anh H không được bàn bạc với bị cáo N về việc thuê người phát rừng vì thửa đất rừng này anh H đã bán lại phần của mình cho bị cáo N. Do đó, bị cáo N có toàn quyền quản lý, sử dụng. Anh H không có yêu cầu gì đối với bị cáo.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đồng thời là người làm chứng: Anh Bàn Phụ L, anh Bàn Tồn D, chị Hoàng Mùi D, bà Đặng Mùi Kh, ông Hoàng Thông K, anh Đặng Tồn S vắng mặt tại phiên toà nhưng đều có đơn xin xét xử vắng mặt, trong đơn nêu: Việc những người này đi phát rừng do được Đặng Văn N thuê đi phát, họ không biết việc phát rừng chưa được cơ quan chức năng cấp phép. Đối với số tiền công thuê phát rừng mà Đặng Văn N trả, họ đã chi tiêu cho sinh hoạt gia đình hết, hoàn cảnh gia đình của họ hết sức khó khăn, việc đi làm thuê chỉ đủ cho gia đình sinh sống hàng ngày nên không có khả năng để nộp lại số tiền này. Họ đều có ý kiến xin Tòa án xem xét không truy thu số tiền công này. Ngoài ra, Anh L, anh D, chị D, bà Kh, ông K, anh S đều không có yêu

cầu gì đối với bị cáo. Đối với các con dao đã dùng để phát rừng chị Kh, anh K, anh S không yêu cầu trả lại.

Lời nói sau cùng: Bị cáo rất ăn năn, hối hận về hành vi phạm tội của mình, bị cáo phạm tội vì sự hiểu biết pháp luật hạn chế, vì hoàn cảnh gia đình khó khăn chỉ mong muốn trồng rừng để phát triển kinh tế gia đình, xin Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất và được cải tạo tại địa phương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Na Rì, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Na Rì, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập đúng trình tự, thủ tục Bộ luật tố tụng hình sự quy định và có giá trị pháp lý làm căn cứ cho việc giải quyết vụ án. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là đúng quy định của pháp luật.

Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đồng thời là người làm chứng Anh Bàn Phụ L, anh Bàn Tồn D, chị Hoàng Mùi D, bà Đặng Mùi Kh, ông Hoàng Thông K, anh Đặng Tồn S đều vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Quá trình điều tra họ đã có lời khai đầy đủ, trong đơn xin xét xử vắng mặt họ không có yêu cầu gì đối với bị cáo. Căn cứ Điều 292, 293 của BLTTHS, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt họ.

[2]. Về căn cứ định tội, định khung hình phạt: Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã nêu. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan Điều tra, lời khai của nguyên đơn dân sự, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, các tài liệu khác đã được cơ quan điều tra thu thập có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Như vậy có đủ cơ sở kết luận: Ngày 18/12/2022 Đặng Văn N khi chưa được Cơ quan có thẩm quyền cho phép đã thuê người phát thửa đất rừng số 16, tờ bản đồ số 3 thuộc thôn Khuổi Nà, xã Đồng Xá, huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn. Những người được thuê đã thực hiện việc phát rừng trái phép từ ngày 20/12/2022 đến ngày 25/12/2022, mục đích bị cáo thuê người phát rừng là để lấy đất trồng cây Keo phát triển kinh tế gia đình. Tổng diện tích rừng bị phát phá trái phép là 22.680m², lâm sản bị thiệt hại là 7.180 Cây Vầu, số cây Vầu bị thiệt hại có trị giá là 24.412.000,đ (hai mươi tư triệu bốn trăm mười hai nghìn đồng).

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến các quy định của nhà nước về quản lý và bảo vệ rừng, xâm phạm đến môi trường sinh thái và phạm tội thuộc trường hợp nghiêm trọng. Hội đồng xét xử có cơ sở kết luận hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Hủy hoại rừng" quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 243 Bộ luật hình sự.

Do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn đã căn cứ vào điểm đ khoản 2 Điều 243 Bộ luật hình sự để truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3]. Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Về nhân thân: Bị cáo không có tiền sự, tiền án. Về lý lịch nhân thân, bị cáo đã từng bị xử phạt hành chính, ngày 14/12/2010 bị Công an huyện Na Rì xử phạt vi phạm hành chính số tiền 750.000,đ về hành vi Cố ý gây thương tích, ngày 15/12/2010 bị cáo đã nộp xong tiền phạt. Bị cáo đã hết thời hạn để được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính một khoảng thời gian rất dài và không vi phạm gì mới, điều này cho thấy bị cáo có ý thức rèn luyện, tu dưỡng, thay đổi bản thân trong cuộc sống.

- Về tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo và thể hiện sự ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Mặc dù, hoàn cảnh gia đình rất khó khăn nhưng bị cáo đã tự nguyện nộp một khoản tiền 4.000.000,đ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Na Rì để bồi thường thiệt hại cho nguyên đơn dân sự, điều này thể hiện sự ăn năn, ý thức khắc phục hậu quả của bị cáo. Do đó, bị cáo được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Ngoài ra, bị cáo có bố đẻ là ông Đặng Văn D được Nhà nước tặng Huân chương chiến sĩ giải phóng, nên Đặng Văn N được hưởng thêm 01 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4]. Về hình phạt áp dụng đối với bị cáo: Căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, căn cứ vào tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, động cơ, mục đích phạm tội, nhân thân bị cáo, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, đề xuất của đại diện Viện kiểm sát, căn cứ vào các quy định của pháp luật: HĐXX xét thấy, bị cáo không có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng, được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, do đó có đủ điều kiện để áp dụng Điều 54/BLHS cho bị cáo được hưởng một hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt bị truy tố. Bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, sự hiểu biết, nhận thức về pháp luật còn rất nhiều hạn chế; nguyên nhân, động cơ, mục đích bị cáo thuê người phá phá rừng là để lấy đất trồng cây Keo phát triển kinh tế gia đình. Mặt khác, bị cáo chỉ thuê người phá cây Vầu và cây bụi rậm, không chặt hạ cây gỗ rừng tự nhiên, do đó cũng hạn chế được một phần thiệt hại về lâm sản, môi trường sinh thái. Xét thấy, không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, có đủ điều kiện áp dụng Điều 36 Bộ luật hình sự, cho bị cáo được hưởng cải tạo không giam giữ, cũng đảm bảo giáo dục bị cáo trở thành một công dân tốt, đồng thời vẫn đảm bảo được tính giáo dục và phòng ngừa chung và thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

Về hình phạt bổ sung và khấu trừ thu nhập: HĐXX xét thấy bị cáo là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, bị cáo lao động tự do, không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định, không có tài sản có giá trị nên miễn khấu trừ thu nhập hàng tháng cho bị cáo và không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo.

[5]. Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên toà, đại diện nguyên đơn dân sự và bị cáo thoả thuận được với nhau về việc bồi thường thiệt hại, bị cáo N nhất trí bồi thường thiệt hại cho nguyên đơn dân sự là Ủy ban nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Kạn với số tiền là 24.412.000,đ (hai mươi tư triệu bốn trăm mười hai nghìn đồng). Xác nhận bị cáo đã tự nguyện nộp số tiền 4.000.000,đ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Na Rì theo biên lai thu tiền số 0001547 ngày 11/5/2023 để đảm bảo cho việc bồi thường thiệt hại về dân sự.

[6]. Về vật chứng của vụ án:

- Đối với 02 con dao dạng dao liềm, phần lưỡi dao và chuôi dao bằng kim loại dài 25cm, lưỡi dao chỗ rộng nhất là 04cm, có phần tra cán gỗ màu vàng dài 24cm, toàn bộ con dao dài 49cm và 01 con dao dạng dao liềm, phần lưỡi dao và chuôi dao bằng kim loại dài 49cm. Đây là công cụ, phương tiện mà Đặng Mùi Kh, Hoàng Thông K và Đặng Tồn S sử dụng phát phá rừng do vậy cần tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 7.180 cây Vầu để tại hiện trường hiện đang được giao cho UBND xã Đồng Xá và Hạt Kiểm lâm huyện Na Rì quản lý, bảo quản, là vật chứng của vụ án cần được tịch thu hóa giá sung công quỹ Nhà nước. Giao cho Hạt Kiểm lâm huyện Na Rì quản lý, xử lý theo quy định của pháp luật.

- Đối với số tiền 4.000.000,đ (bốn triệu đồng) mà bị cáo nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Na Rì, theo biên lai số 0001547 ngày 11/5/2023, để thực hiện nghĩa vụ bồi thường thiệt hại cho nguyên đơn dân sự cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án cho bị cáo.

[7]. Các vấn đề khác: Anh Hoàng Văn H là người cùng Đặng Văn N chung nhau mua thửa đất số 16, tờ bản đồ số 3 thuộc thôn Khuổi Nà, xã Đồng Xá, huyện Na Rì nhưng do ở xa, đi lại khó khăn, không có điều kiện quản lý, chăm sóc rừng nên ngày 08/12/2022, anh H đã chuyển nhượng lại phần quyền sử dụng thửa đất của mình cho Đặng Văn N, việc chuyển nhượng có lập thành văn bản và được UBND xã Đ xác nhận. Sau khi nhận chuyển nhượng phần đất rừng từ anh H bị cáo N có toàn quyền sử dụng đối với thửa đất này, sau đó bị cáo N thuê người phát phá rừng thì anh H hoàn toàn không biết, vì vậy Cơ quan điều tra không xem xét, xử lý đối với anh Hoàng Văn H là đúng quy định.

Đối với hành vi tham gia phát rừng thuê của anh Bàn Phụ L, anh Bàn Tồn D, chị Hoàng Mùi D, bà Đặng Mùi Kh, ông Hoàng Thông K, anh Đặng Tồn S, những người này tham gia phát rừng là do Đặng Văn N thuê, không có sự bàn bạc thống nhất từ trước, họ cũng không biết việc phát rừng chưa được Cơ quan có thẩm quyền cấp phép, vì vậy Cơ quan điều tra không xem xét xử lý trách nhiệm đối với những người trên là đúng quy định pháp luật. Đối với số tiền công được thuê phát rừng của những người này được Đặng Văn N trả, xét thấy họ là những người làm thuê, trình độ nhận thức thấp, việc phát rừng thuê cho N họ không biết là chưa được cơ quan chức năng cho phép, những người này đều là đồng bào dân tộc Dao có điều kiện hết sức khó khăn, số tiền họ được trả công khi đi phát rừng thuê cũng đã chi tiêu sinh hoạt cho gia đình hết. Do đó, HĐXX xét thấy không buộc những người này phải nộp lại số tiền công đã được hưởng để sung quỹ nhà nước là phù hợp và thể hiện tính nhân văn, sự khoan hồng của pháp luật.

[8]. Về án phí: Bị cáo phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân

sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào điểm đ khoản 2 Điều 243, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54; Điều 36 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[1]. Tuyên bố bị cáo Đặng Văn N phạm "Tội huỷ hoại rừng".

Xử phạt: Đặng Văn N 30 (Ba mươi) tháng cải tạo không giam giữ, thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Không khấu trừ thu nhập đối với bị cáo.

Không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo.

Giao bị cáo cho UBND xã Đ, huyện N, tỉnh Bắc Kạn giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo N có trách nhiệm phối hợp với UBND xã Đ giám sát, giáo dục bị cáo.

Trường hợp người chấp hành án cải tạo không giam giữ thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 100 Luật Thi hành án hình sự.

[2]. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật hình sự; Điều 584, 585, 586 và Điều 589 của Bộ luật dân sự, ghi nhận sự thoả thuận bồi thường thiệt hại giữa đại diện nguyên đơn dân sự UBND huyện N, tỉnh Bắc Kạn và bị cáo. Bị cáo Đặng Văn N phải bồi thường thiệt hại cho nguyên đơn dân sự số tiền là 24.412.000,đ (hai mươi tư triệu bốn trăm mười hai nghìn đồng) để sung quỹ Nhà nước. Xác nhận bị cáo đã nộp số tiền 4.000.000,đ (bốn triệu đồng) tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Na Rì, theo biên lai số 0001547 ngày 11/5/2023 để đảm bảo cho việc bồi thường.

Việc thi hành án dân sự được thực hiện theo Điều 357 Bộ luật dân sự và Luật Thi hành án dân sự.

[3]. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự, Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu tiêu huỷ: 02 con dao dạng dao liềm, phần lưỡi dao và chuôi dao bằng kim loại dài 25cm, lưỡi dao chỗ rộng nhất là 04cm, có phần tra cán gỗ màu vàng dài 24cm, toàn bộ con dao dài 49cm và 01 con dao dạng dao liềm, phần lưỡi dao và chuôi dao bằng kim loại dài 49cm.

(Tình trạng, số lượng vật chứng theo biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 13/6/2023 giữa Công an huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn với Chi cục thi hành án dân sự huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn).

- Tịch thu hóa giá sung quỹ Nhà nước: 7.180 cây Vầu để tại hiện trường. Giao cho Hạt Kiểm lâm huyện Na Rì quản lý, xử lý theo quy định của pháp luật.

- Tạm giữ để đảm bảo thi hành án cho bị cáo số tiền 4.000.000,đ (bốn triệu đồng) mà bị cáo nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Na Rì, theo biên lai số 0001547 ngày 11/5/2023, để thực hiện nghĩa vụ bồi thường thiệt hại cho nguyên đơn dân sự.

[4]. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án:

Buộc Đặng Văn N phải chịu 200.000,^d (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm và 1.020.600,đ (một triệu không trăm hai mươi nghìn sáu trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

[5]. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, nguyên đơn dân sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Hô có quyền kháng cáo bản án về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự; người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện;
- VKSND tỉnh;
- TA tỉnh;
- CA huyện;
- Bị cáo;
- Nguyên đơn dân sự;
- Người có QLNVLQ;
- THA dân sự;
- THA hình sự;
- Hồ sơ CA huyện;
- Sở Tư pháp tỉnh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Võ Thanh Bình